

Bản án số: 329/2017/QĐDS-ST

Ngày: 26/9/2017

V/v: “Yêu cầu xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản để thi hành án”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7- THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần giải quyết việc dân sự:

- Chủ tọa phiên họp: Ông Đinh Hữu Đức – Thẩm phán

- Thư ký phiên họp: Ông Trần Ngọc Hoàng – Cán bộ Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 tham gia phiên họp: Bà Võ Thị Ngọc Châu – Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 9 năm 2017 tại phòng họp trụ sở Tòa án nhân dân Quận 7 mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 84/2016/TLST-DS ngày 26/4/2016 về yêu cầu xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản để thi hành án theo Quyết định mở phiên họp số 56/2017/QĐST-VDS ngày 21 tháng 8 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên họp số 143/2017/QĐST-HPH ngày 08/9/2017 giữa:

1. *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* Ông Phạm Quang S, sinh năm 1962; Địa chỉ: 115AX, phường P, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh (Yêu cầu mở phiên họp vắng mặt).

2 *Người bị yêu cầu giải quyết việc dân sự:* Ông Nguyễn Hữu L, sinh năm 1950; Địa chỉ: Đường P, khu phố B, phường P, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (Yêu cầu mở phiên họp vắng mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1952; Địa chỉ: Đường P, khu phố B, phường P, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

Những vấn đề cụ thể yêu cầu tòa án giải quyết:

Theo người yêu cầu ông Phạm Quang S thì ông Nguyễn Hữu L có nghĩa vụ thi hành quyết định số 228/2013/QĐST – DS ngày 09/9/2013 của Tòa án nhân dân Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo nội dung quyết

định thì ông Nguyễn Hữu L có nghĩa vụ trả cho ông Phạm Quang S số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng), nhưng cho đến nay ông Nguyễn Hữu L chưa thi hành quyết định công nhận sự thỏa thuận trên do chưa xác định được phần quyền sở hữu tài sản riêng của ông Nguyễn Hữu L trong khối tài sản chung với bà Nguyễn Thị N. Theo đơn yêu cầu ngày 10/3/2016 và các bản tự khai tại Tòa án thì ông Phạm Quang S yêu cầu Tòa án xác định phần quyền sở hữu tài sản của riêng ông Nguyễn Hữu L trong khối tài sản chung với bà Nguyễn Thị N đối với căn nhà số đường P, khu phố B, phường P, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại bản tự khai ngày 28/6/2016 và Đơn yêu cầu vắng mặt ngày 08/9/2017, người bị yêu cầu ông Nguyễn Hữu L trình bày: Trước đây ông có nhận sửa chữa căn nhà ở huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh cho ông Phạm Quang S với giá 400.000.000 (Bốn trăm triệu) đồng và ông đã hoàn thành việc sửa chữa được 70% công trình sửa chữa nhà trên. Sau đó, ông Phạm Quang S đã tự ý xuất tiền mua vật tư sửa chữa nhà, buộc ông phải ký là còn nợ lại ông S 200.000 (Hai trăm triệu) đồng do không hoàn thành công trình theo thỏa thuận và lúc đó do bị đe dọa nên ông đã ký giấy nợ trên. Đó là lý do dẫn đến việc có Quyết định Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 228/2013/QĐST – DS ngày 09/9/2013 buộc ông phải trả số tiền nợ 200.000.000đồng, thực tế ông không nợ ông S số tiền trên. Ông Nguyễn Hữu L xác định căn nhà tại địa chỉ đường P, khu phố B, phường P, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản chung của ông và vợ ông là bà Nguyễn Thị N.

Tại phiên họp hôm nay:

Người yêu cầu ông Phạm Quang S, người bị yêu cầu ông Nguyễn Hữu L có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên các ý kiến đã trình bày.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng gồm : Giấy triệu tập ; thông báo thụ lý ; thông báo số 75/2017/TB-TA ngày 31/7/2015 về việc ý kiến của bà Nguyễn Thị N đối với yêu cầu của người yêu cầu, Quyết định mở phiên họp số 56/2017/QĐST-VDS ngày 21 tháng 8 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên họp số 143/2017/QĐST-HPH ngày 08/9/2017 nhưng người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị N

vẫn không đến, không có lý do nên tòa không ghi nhận được ý kiến và vẫn mở phiên họp vắng mặt.

***Ý kiến của Viện kiểm sát Nhân dân Quận 7:**

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết việc dân sự: Tòa án đã thực hiện đúng về thời hạn chuẩn bị giải quyết việc

dân sự. Thẩm phán đã chấp hành theo đúng quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý việc dân sự cho đến trước thời điểm mở phiên họp.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên họp hôm nay người yêu cầu, người bị yêu cầu đã thực hiện đúng các quy định của bộ luật tố tụng năm 2015. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị N đã được tòa án triệu tập họp lệ nhưng vẫn vắng mặt. Người yêu cầu và người bị yêu cầu xin xét xử vắng mặt, do đó, việc tiến hành mở phiên họp vắng mặt người yêu cầu, người bị yêu cầu và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là đúng quy định tại Điều 367 bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc giải quyết vụ việc: Đề nghị Thẩm phán chấp nhận toàn bộ yêu cầu giải quyết việc dân sự của người yêu cầu ông Phạm Quang S đối với việc tuyên bố ông Nguyễn Hữu L sở hữu ½ giá trị căn nhà số đường P, khu phố B, phường P, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp, Tòa án nhận định: yêu cầu của người yêu cầu là có căn cứ pháp luật và được chấp nhận

1. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

[1] Đơn yêu cầu xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản của người yêu cầu ông Phạm Quang S là loại việc dân sự, không có tranh chấp, thuộc thẩm quyền giải quyết của tòa án theo thủ tục sơ thẩm, được quy định tại khoản 9 điều 27, điểm a khoản 2 điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

[2] Tại phiên họp hôm nay người yêu cầu ông Phạm Quang S và người bị yêu cầu ông Nguyễn Hữu L có đơn yêu cầu mở phiên họp vắng mặt; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị N vắng mặt, không lý do, dù Tòa án nhân dân Quận G đã tiến hành thông báo nội dung yêu cầu xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản của người yêu cầu cho bà Nguyễn Thị N, triệu tập làm việc, triệu tập tham gia phiên họp nhưng bà Nguyễn Thị N đã vắng mặt, xét thấy việc vắng mặt của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị N không ảnh hưởng đến việc giải quyết việc dân sự nên Tòa quyết định vẫn tiến hành mở phiên họp vắng mặt người yêu cầu, người bị yêu cầu và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan theo quy định tại Điều 367 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

2. Về yêu cầu của các đương sự:

[3] Theo sự thừa nhận của ông Nguyễn Hữu L thì hiện nay vợ chồng ông có đứng tên sở hữu nhà và quyền sử dụng đất đối với tài sản là

nhà đất tại địa chỉ đường P, khu phố B, phường P, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Ngoài ra, theo kết quả trả lời của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Quận G thì: “Nhà đất số đường P, khu phố B, phường P, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (thuộc thửa đất số 42, tờ bản đồ số 63) đã được Ủy ban nhân dân Quận G cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH07979 ngày 19/10/2012 cho ông(bà) Nguyễn Hữu L - Nguyễn thị N”.

[4] Căn cứ Điều 33 Luật hôn nhân và gia đình:

“1. Tài sản chung của vợ chồng gồm tài sản do vợ, chồng tạo ra, thu nhập do lao động, hoạt động sản xuất, kinh doanh, hoa lợi, lợi tức phát sinh từ tài sản riêng và thu nhập hợp pháp khác trong thời kỳ hôn nhân, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 40 của Luật này; tài sản mà vợ chồng được thừa kế chung hoặc được tặng cho chung và tài sản khác mà vợ chồng thỏa thuận là tài sản chung.

Quyền sử dụng đất mà vợ, chồng có được sau khi kết hôn là tài sản chung của vợ chồng, trừ trường hợp vợ hoặc chồng được thừa kế riêng, được tặng cho riêng hoặc có được thông qua giao dịch bằng tài sản riêng.

2. Tài sản chung của vợ, chồng thuộc sở hữu chung hợp nhất, được dùng để đảm bảo nhu cầu của gia đình, thực hiện nghĩa vụ chung của vợ, chồng.

3. Trong trường hợp không có căn cứ để chứng minh tài sản mà vợ, chồng có đang tranh chấp là tài sản riêng của mỗi bên thì tài sản đó được coi là tài sản chung.”

[5] Như vậy, Nguyễn Hữu L là người có quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản ½ giá trị căn nhà đường P, khu phố B, phường P, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh

[6] Từ những nhận định trên, xét thấy yêu cầu của ông Phạm Quang S về việc xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản trong khối tài sản chung của ông Nguyễn Hữu L và bà Nguyễn Thị N là có căn cứ chấp nhận.

3. Về lệ phí giải quyết việc dân sự:

[7] Lệ phí giải quyết việc dân sự là 200.000 (hai trăm ngàn đồng), ông Phạm Quang S phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 9 Điều 27, điểm a khoản 2 Điều 35, điểm n khoản 2 Điều 39, khoản 1 Điều 149, Điều 367, Điều 371, và Điều 372 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 33 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí toà án;

1. Chấp nhận yêu cầu giải quyết việc dân sự của ông Phạm Quang S.

Tuyên bố ông Nguyễn Hữu L sở hữu $\frac{1}{2}$ giá trị căn nhà đường P, khu phố B, phường P, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh

2. Lệ phí giải quyết việc dân sự phải nộp là 200.000 (hai trăm ngàn đồng), ông Phạm Quang S phải chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm mà ông Phạm Quang S đã nộp là 200.000 (hai trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số AD/2014/0009282 ngày 26/4/2016 của Chi cục thi hành án dân sự Quận G – Tp.HCM. Vậy, ông Phạm Quang S đã nộp đủ lệ phí dân sự sơ thẩm.

Ông Phạm Quang S, ông Nguyễn Hữu L, bà Nguyễn Thị N vắng mặt tại phiên họp được quyền kháng cáo quyết định trong hạn 10 ngày, kể từ ngày Quyết định được giao hoặc niêm yết hợp lệ.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKS ND Q.7;
- Chi cục THA DS Q.7;
- Đường sự;
- Lưu, hồ sơ.

Đinh Hữu Đức